

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) và cho ý kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021;

Xét Tờ trình số 922/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) và cho ý kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 3) là 802,291 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 164,102 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,81 tỷ đồng.
 - Vốn thực hiện dự án: 159,292 tỷ đồng bố trí cho 06 dự án khởi công mới, Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương, chi cho ngân hàng chính sách.

2. Tiền sử dụng đất tính đầu tư: 436,089 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,53 tỷ đồng.
 - Vốn thực hiện dự án: 431,559 tỷ đồng, bố trí cho 20 dự án khởi công mới.
3. Xổ số kiến thiết: 152 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 4,21 tỷ đồng.
 - Vốn thực hiện dự án: 147,79 tỷ đồng, bố trí cho 05 dự án khởi công mới và đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia.
4. Bội chi ngân sách: 50,1 tỷ đồng.

(Có biểu 1, 2 và phụ lục 1 kèm theo)

Điều 2. Thống nhất kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) năm 2021 là 263 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư: 19,92 tỷ đồng.
2. Vốn thực hiện dự án: 243,08 tỷ đồng, bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp và 06 dự án khởi công mới.

(Có biểu 3, 4 và phụ lục 2 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Biểu 1**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 (ĐỢT 3)***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021 TW giao	Kế hoạch năm 2021 địa phương giao	Kế hoạch vốn đã giao đợt 1	Kế hoạch vốn đã giao đợt 2	Kế hoạch vốn đợt 3	Ghi chú
I	Vốn ngân sách địa phương	2,017,410	2,229,410	1,235,957	191,162	802,291	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	827,310	827,310	627,505	35,703	164,102	
-	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư		399,310	199,505	35,703	164,102	
-	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư		428,000	428,000			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1,000,000	1,200,000	608,452	155,459	436,089	
-	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư		550,000	9,411	104,500	436,089	
-	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư		650,000	599,041	50,959		
3	Xổ số kiến thiết	140,000	152,000			152,000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	50,100	50,100			50,100	(1)

(1): Theo Văn bản 89/STC-QLNS ngày 12/01/2021 của Sở Tài chính xác định số Bội chi ngân sách = Chi NSDP được giao năm 2021 - Thu NSDP được giao năm 2021; tuy nhiên thực tế không thực hiện tổng vay là 69 tỷ đồng được giao để bù đắp bội chi 50,1 tỷ đồng và vay trả nợ gốc 19,8 tỷ đồng mà thực hiện vay tối đa là 69,9 tỷ đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả và Dự án phát triển khu vực biên giới.

Biểu 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 (ĐỢT 3)
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú						
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số			Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:	
																				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	17	18	23	24	25	26		27						
	TỔNG SỐ									802,291	802,291	-	-								
A	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ									164,102	164,102	-	-								
A.1	Vốn trong cân đối theo tiêu chí tính quyết định đầu tư									164,102	164,102	-	-								
A.1.1	Vốn chuẩn bị đầu tư									4,810	4,810	-	-		Chi tiết phụ lục 1 kèm theo						
A.1.2	Vốn thực hiện dự án									159,292	159,292	-	-								
I	Khoa học, công nghệ									5,000	5,000	-	-								
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									5,000	5,000	-	-								
1	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Pleiku	Đầu tư thử nghiệm Hóa - Vi sinh, thử nghiệm cơ lý, kiểm tra an toàn thiết bị điện, kiểm định khối lượng, kiểm định dung tích; kiểm định các thiết bị đo, kiểm tra chất lượng hàng hóa không phá hủy.	2021-2022	301/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000			5,000	5,000			Sở KH và CN	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định						
II	Phát thanh, truyền hình, thông tấn									8,792	8,792	-	-								
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									8,792	8,792	-	-								
1	Đầu tư mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD	Pleiku	Đầu tư mua sắm mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD gồm: xe và thùng xe chuyên dụng; hệ thống camera chuyên dụng; hệ thống thiết bị hình ảnh; hệ thống thiết bị âm thanh; hệ thống phân phối tín hiệu âm thanh và hình ảnh; hệ thống liên lạc nội bộ; bộ tạo chữ; máy làm chậm; vật tư phụ kiện lắp đặt và chi phí khác	2021	303/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 499/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	29,000	29,000			8,792	8,792			Đài phát thanh và truyền hình	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định						
III	Bảo vệ môi trường									3,500	3,500	-	-								
III.1	Môi trường									3,500	3,500	-	-								
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									3,500	3,500	-	-								
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Xây dựng phần mềm nghiệp vụ quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc; đào tạo và chuyển giao công nghệ quản lý, vận hành hệ thống	2021	302/NQ-HĐND ngày 25/2/2020; 1572/QĐ-SKHĐT ngày 28/5/2021	7,000	7,000			3,500	3,500			Sở TNMT	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
IV	Các hoạt động kinh tế									142,000	142,000	-	-		
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									100,000	100,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									100,000	100,000	-	-		
1	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Các huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư đường thôn, đường liên thôn, đường ngõ xóm, đường hẻm khu dân cư, đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng	2021-2025	280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	1,000,000	500,000			100,000	100,000			UBND các huyện, thị xã, tp	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết theo Nghị quyết 230/NQQ-HĐND ngày 10/12/2020
IV.2	Du lịch									7,000	7,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									7,000	7,000	-	-		
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch	Gia Lai	Khảo sát hiện trạng hạ tầng phần cứng, ứng dụng CNTT trong lĩnh vực du lịch tại các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng cổng thông tin du lịch tỉnh Gia Lai; xây dựng bản đồ du lịch; xây dựng ứng dụng du lịch trên điện thoại di động; chuẩn hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung lĩnh vực du lịch của tỉnh; Xây dựng phần mềm quản lý chuyên ngành; xây dựng phần mềm báo cáo, thống kê số liệu về du lịch; tích hợp dữ liệu bản đồ với các dữ liệu du lịch như cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch và đồng bộ với một số nội dung khác	2021	309/ NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 497/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	17,000	17,000			7,000	7,000			Sở VH TTDL	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
IV.3	Công nghệ thông tin									15,000	15,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									15,000	15,000	-	-		
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	Gia Lai	Đầu tư, nâng cấp trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu tỉnh Gia Lai; đầu tư mở rộng, nâng cấp các phần mềm phục vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, các nền tảng để triển khai đô thị thông minh; đầu tư trung tâm điều hành, giám sát an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai	2021-2024	304/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 498/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	140,000	140,000			10,000	10,000			Sở Thông tin Truyền thông	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
2	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh, xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ đô thị thông minh thuộc Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”	Pleiku	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh của thành phố Pleiku; xây dựng các cơ sở dữ liệu, các dịch vụ đô thị thông minh	2021	313/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 487/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	27,000	15,000			5,000	5,000			UBND thành phố Pleiku	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
IV.4	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã									20,000	20,000	-	-		
1	Chi cho Ngân hàng chính sách									20,000	20,000			Chi nhánh NHCS XH tỉnh Gia Lai	
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									436,089	436,089	-	-		
B.1	Tiền sử dụng đất của tỉnh									436,089	436,089	-	-		
B.1.1	Vốn chuẩn bị đầu tư									4,530	4,530	-	-		Chi tiết phụ lục 1 kèm theo
B.1.2	Vốn thực hiện dự án									431,559	431,559	-	-		
I	Văn hóa, thông tin									20,000	20,000	-	-		
I.1	Văn hóa									20,000	20,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									20,000	20,000	-	-		
1	Hạ tầng di tích Tây Sơn Thượng Đạo	Gia Lai	Hạ tầng giao thông vào các điểm di tích, khu du lịch gồm các nhánh: Nhánh 1: Đường từ khu di tích Vườn mít - cánh đồng cô Hầu đến Vườn thực nghiệm Asean L=7Km; Nhánh 2: đường vào Hòn đá ông Nhạc L=0,58Km; Nhánh 3: điểm đầu giáp đường BTXM điểm cuối giáp đường mòn hiện hữu L=1Km	2021	318/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 481/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
II	Các hoạt động kinh tế									405,848	405,848	-	-		
II.1	Giao thông									373,848	373,848	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									373,848	373,848	-	-		
1	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Chiều dài khoảng 3,61Km; chỉ giới xây dựng 30m; mặt đường rộng 21m (kể cả dải phân cách rộng 2m); hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	317/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	124,000	124,000			62,448	62,448			UBND thành phố Pleiku	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
2	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Tổng chiều dài tuyến L=1,73Km, Bn=20m, Bm= 10m.	2021-2022	335/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	30,000	30,000			20,000	20,000			UBND thị xã An Khê	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
3	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường vành đai 1), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	L= 817m, Bn= 9,5m, Bm= 7,5m; hệ thống thoát nước.	2021	328/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 97/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,900	14,900			14,900	14,900			UBND thị xã Ayun Pa	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
4	Đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chư Sê	L=870m; Bn=24m; Bm=15m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	319/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 477/QĐ-UBND ngày 20/05/2021	30,000	30,000			18,000	18,000			UBND huyện Chư Sê	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
5	Đường liên xã Phú Cản – Ia Rmok, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Tuyến đường gồm 2 nhánh tổng chiều dài L= 1,89km; Bm=5,5m; Bn=7,5m	2021	329/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 96/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			UBND huyện Krông Pa	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
6	Đường Phan Bội Châu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Hạng mục: Cầu bê tông cốt thép và các hạng mục phụ)	Chư Prông	Tuyến đường dài 140,7m, Bn=9m; Bm=7m; trong đó có 01 cầu bê tông cốt thép dài 34,7m rộng 10m, và các hạng mục phụ	2021-2022	320/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 98/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,500	14,500			8,000	8,000			UBND huyện Chư Prông	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
7	Đường giao thông trục xã Ia Hiao, Ia Peng, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	L=7,77km, đường giao thông nông thôn cấp A và cấp B	2021-2022	326/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 493/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	21,000	21,000			12,500	12,500			UBND huyện Phú Thiện	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
8	Đường liên xã Ia Băng – Pa Pét, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Công trình giao thông cấp IV L=9,1Km; Bn=6,5m; Bm=5,5m	2021-2022	323/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 492/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	20,000	20,000			10,000	10,000			UBND huyện Đak Đoa	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
9	Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	Tổng chiều dài tuyến L=2.795,5m; Bn=20m; Bm=10,5m.	2021-2022	325/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 490/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	55,000	55,000			25,000	25,000			UBND huyện Kbang	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								Tổng số	Trong đó:	
																Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
10	Đường vào làng Đê Kôn, xã H'ra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	L=6,6Km; Bm=3,5 - 5,5m (Bm=5,5m áp dụng cho đoạn đông dân cư Km0+Km3+700); Bn=5-6,5m (Bn=6,5m áp dụng cho các đoạn đông dân cư km0+km3+700).	2021-2022	321/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 489A/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	34,000	34,000			17,000	17,000			UBND huyện Mang Yang	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
11	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Chư Păh	L=3Km; mặt đường rộng 21m; dải phân cách 2m; vỉa hè rộng 2x5=10m	2021-2024	332/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90,000	90,000			45,000	45,000			UBND huyện Chư Păh	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
12	Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương), huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đăk Pơ	L=1,41km, mặt đường rộng 17,6m kể cả giải phân cách rộng 2m, rãnh thoát nước rộng 0.3mx2=0.6m, nền đường rộng Bn= 25m.	2021-2022	334/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 483/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	23,000	23,000			11,000	11,000			UBND huyện Đak Pơ	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
13	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Tổng chiều dài 4,3km; đoạn tuyến thuộc bản đồ quy hoạch thị trấn Chư Ty dài 0,93km, Bn=11,5-15,2m, Bm=10,5m, mặt đường bê tông nhựa; Đoạn tuyến thuộc bản đồ quy hoạch xã Ia Dơk dài 3,37km, Bn=9,5m, Bm=6m, mặt đường bê tông nhựa	2021-2022	333/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	59,000	59,000			30,000	30,000			UBND huyện Đức Cơ	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
14	Đường liên xã Ia Dêr - Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Tổng chiều dài tuyến thiết kế L=9,75Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m mặt đường bê tông nhựa; công trình thoát nước	2021-2022	322/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 453/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	50,000	50,000			30,000	30,000			UBND huyện Ia Grai	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
15	Đường quy hoạch giao thông Đ2; Đ3 kết hợp kênh mương thoát nước, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	Xây dựng 02 tuyến đường Đ2, Đ3 với tổng chiều dài 541,25m	2021-2022	324/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 99/QĐ-SKHĐT ngày 30/5/2021	14,500	14,500			10,000	10,000			UBND huyện Kông Chro	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		
16	Đường liên xã phía Đông sông Ba, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	Tổng chiều dài tuyến L=14,2km, đường cấp IV miền núi	2021-2022	327/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 494/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	30,000	30,000			15,000	15,000			UBND huyện Ia Pa	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số			Trong đó: NSĐP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP									Tổng số	Trong đó:	
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
17	Đường phía Đông thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	L=6,61km, Bn= 9,5m; Bm=7,5m, mặt đường bê tông nhựa	2021-2023	331/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	70,000	70,000			35,000	35,000			UBND huyện Chư Pưh	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định			
II.2	Cấp nước, thoát nước									32,000	32,000	-	-					
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									32,000	32,000	-	-					
1	Cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Xây dựng trạm nước thô khai thác nước sông Sê San, công suất 3200m3/ngày đêm (lắp đặt thiết bị công suất 1.600m3/ngày đêm); xây dựng mới tuyến ống dẫn nước thô dài 8,544Km; xây dựng trạm biến áp, bể chứa nước sạch 600m3; hoàn chỉnh các hạng mục phụ trợ	2021	305/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 476/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	32,000	32,000			32,000	32,000			BQL khu kinh tế tỉnh	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định			
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.									5,711	5,711	-	-					
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									5,711	5,711	-	-					
1	Trạm kiểm dịch động vật Song An và các trạm quản lý bảo vệ rừng, trạm kiểm lâm	Gia Lai	+ Trạm kiểm dịch động vật Song An (thị xã An Khê): Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 110 m²; nhà nuôi nhốt, giếng khoan và các hạng mục phụ. + 03 Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Tul, huyện Ia Pa: Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 95 m²; giếng khoan và các hạng mục phụ. + Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn, huyện Chư Pưh: Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 95 m²; giếng khoan và các hạng mục phụ.	2021	336/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 95/QĐ-SKHĐT ngày 28/05/2021	5,711	5,711			5,711	5,711			BQL các dự án ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định			
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT									152,000	152,000	-	-					
C.1	Vốn chuẩn bị đầu tư									4,210	4,210	-	-		Chi tiết phụ lục 1 kèm theo			
C.2	Vốn thực hiện dự án									147,790	147,790	-	-					
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									42,000	42,000	-	-					
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									42,000	42,000	-	-					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
1	Trường THPT Phan Bội Châu, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Công trình dân dụng cấp III: Nhà học 12 phòng 04 tầng DTXD 457m²; DTS 1.708m²; thiết bị nhà học 12 phòng; các hạng mục phụ	2021	306/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 94/QĐ-SKHĐT ngày 28/5/2021	14,000	14,000			14,000	14,000			BQL các dự án ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
2	Trường THPT Lý Thường Kiệt, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Công trình dân dụng cấp III: Nhà học bộ môn DTS 1.205m²; trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; các hạng mục phụ	2021	307/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 92/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			BQL các dự án ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
3	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	Pleiku	Đầu tư trang bị phòng học tiên tiến cho các trường THPT; hệ thống camera giám sát các vị trí xung yếu, thiết bị tích hợp, truyền tải thông tin từ trường, trung tâm về Trung tâm điều hành tỉnh; Phần mềm kết nối điều hành thông minh	2021	308/NQ-HĐND ngày 25/2/2021; 485/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			Sở Giáo dục và Đào tạo	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
II	Y tế, dân số và gia đình									58,000	58,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									58,000	58,000	-	-		
1	Đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện	Gia Lai	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện 331; TTYT thị xã An Khê; TTYT thị xã Ayun Pa; TTYT huyện Kbang; TTYT huyện Phú Thiện	2021	311/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 484/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			Sở Y tế	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
2	Trung tâm y tế thị xã An Khê	An Khê	Khoa ngoại tổng hợp: nhà 2 tầng DTXD 550m²; DTS 1096m²; cải tạo sửa chữa phòng mổ; cải tạo sửa chữa khu khám bệnh cũ; thiết bị; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2021	310/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 475/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			BQL các dự án ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
III	Các hoạt động kinh tế									47,790	47,790	-	-		
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									47,790	47,790	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									47,790	47,790	-	-		
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia									47,790	47,790			UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
D	Bội chi ngân sách									50,100	50,100				

Phụ lục 1

VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2021 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ĐỢT 3)
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
1	2	3	4	5	6	7	8	17	18	23	24	25	26		27
	TỔNG SỐ									13,550	13,550	-	-		
A	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ									4,810	4,810	-	-		
I	Quốc phòng									360	360	-	-		
1	Đường vào căn cứ hậu cần Đak Sơ Mei, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	L=2,6km; đường giao thông nông thôn cấp B; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2022	391/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 4749/QĐ-BCH ngày 29/6/2021	6,000	6,000			360	360			Bộ CHQS tỉnh	
II	Khoa học, công nghệ									280	280	-	-		
1	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen	Pleiku	Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của Trung tâm bảo tồn quỹ gen; Đầu tư hoàn thiện máy móc, thiết bị còn thiếu cho Khu thực nghiệm khoa học và Công nghệ; Khu nhà bảo tồn gen và nuôi cấy mô 2 tầng DTXD 390,0m²; DTS 762,0m².	2022-2023	423/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 109/QĐ-SKHCN ngày 30/6/2021	20,000	20,000			280	280			Sở Khoa học và Công nghệ	
III	Bảo vệ môi trường					50,000	50,000	-	-	570	570	-	-	UBND huyện Chư Păh	
1	Hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	Chư Păh	Đầu tư xây dựng mới hồ chứa nước bao gồm các hạng mục đập đất, tràn xả lũ, làm mới 01 cống lấy nước đầu mối, 01 cống xả nước chống hạn, đào, nạo, vét lòng hồ tăng dung tích chứa nước nhằm đảm bảo tưới cho 20ha lúa nước đã có và tưới tăng thêm 30ha cây trồng trong khu vực	2023-2024	368/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	50,000	50,000			570	570			UBND huyện Chư Păh	
IV	Các hoạt động kinh tế									3,200	3,200	-	-		
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									1,340	1,340	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSDP			
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDC B
1	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Kbang	Xây dựng nhà bảo tàng trưng bày mẫu động, thực vật 150m²; Xây dựng kè chắn dài 200m; xây dựng đường và hệ thống điện vào các trạm quản lý bảo vệ rừng; Cải tạo vườn hoa, khuôn viên, hồ điều hòa kết hợp PCCC; Xây dựng vườn thực vật 100ha; Hệ thống phát hiện mất rừng, cảnh báo cháy rừng; Xây dựng sa bàn và đường diễn giải môi trường; Xây dựng logo KBTTN Kon Chư Răng; Điều tra tổng thể đa dạng sinh học và Báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học KBTTN Kon Chư Răng; Trang thiết bị văn phòng □	2022-2024	405/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 17/QĐ-KBT ngày 28/6/2021	45,000	30,000			1,340	1,340			BQL khu BTTN Kon Chư Răng	
IV.2	Giao thông									1,270	1,270	-	-		
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường Vành đai 1 - giai đoạn 2) dài 843m; Bn=22,5m; Bm=7,5m; dải phân cách 2m; vỉa hè 13m. Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường Vành đai 1 dài 983m; Bn=30m; Bm=21m; vỉa hè 9m. Đường quy hoạch từ đường Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền dài 948m; Bn=15,5m; Bm=7,5m; vỉa hè 8m. Hệ thống thoát nước	2022-2024	386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	130,000	130,000			550	550			UBND thị xã Ayun Pa	
2	Cải tạo nút giao thông Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng nút giao thông Phù Đồng theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND thành phố Pleiku về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ nút giao thông Phù Đồng thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đường Lê Duẩn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2022-2024	401/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 292/QĐ-BQLDA ngày 28/6/2021	120,000	120,000			720	720			BQL các DA ĐTXD	
IV3	Công nghệ thông tin									400	400	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia ở tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000, thành lập bản đồ địa hình cập nhật chính xác về hiện trạng địa hình và địa vật ở tỷ lệ 1/2.000 cho TP. Pleiku, thị xã An Khê và một phần thị xã Ayun Pa; bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 trên phạm vi đô thị trung tâm huyện, phục vụ cho các nhiệm vụ của tỉnh. Nâng cao khả năng kết nối liên thông, chia sẻ, trao đổi, tích hợp thông tin giữa các thành phần trong hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường, giữa hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường với các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành khác trên địa bàn tỉnh.	2022-2024	370/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 161/QĐ-SKHĐT ngày 03/7/2021	70,000	70,000			400	400			Sở TNMT	
IV.4	Công trình công cộng									190	190	-	-		
1	Cải tạo, xây dựng hệ thống điện khu vực quảng trường Đại Đoàn Kết	Pleiku	Di dời trạm biến áp 800kV công viên Lý Tự Trọng; nâng công suất 02 trạm biến áp từ 320kV lên 630kV (trạm biến áp Lý Tự Trọng và trạm biến áp Lê Lợi); xây dựng mới 02 tủ hạ áp công suất 400kVA; 02 tủ hạ áp công suất 250kVA; xây dựng mới 02 tủ dao cách ly và 01 tủ liên lạc; xây dựng mới đường dây 0,4kV cấp điện cho các tủ điện; các phụ kiện có liên quan	2022	404/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 274/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	4,200	4,200			190	190			BQL các DA ĐTXD	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập									400	400	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	Trụ sở Huyện ủy, UBMTTQ và các đoàn thể huyện Đak Đoa.	Đak Đoa	Trụ sở Huyện ủy: công trình cấp II, 03 tầng, DTS 1.200m² Trụ sở UBMTTQ và các đoàn thể: Công trình cấp II, 03 tầng DTS 750m² Các hạng mục phụ	2022-2024	373/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1193/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	33,300	20,000			400	400			UBND huyện Đak Đoa	NST 20 tỷ đồng, ngân sách huyện 13,3 tỷ đồng, bố trí năm 2022
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									4,530	4,530	-	-		
I	Văn hóa, thông tin									1,460	1,460	-	-		
I.1	Văn hóa									1,460	1,460	-	-		
1	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	Pleiku	Quy mô nhà hát dự kiến 1.000 chỗ ngồi, hoàn thiện các phòng chức năng, các phòng phụ trợ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9369:2012; tích hợp thư viện, không gian trưng bày triển lãm, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2022-2024	413/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 282/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	200,000	200,000			1,460	1,460			BQL các DA ĐTXD	
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.									3,070	3,070	-	-		
1	Khu trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh	Pleiku	Xây dựng mới nhà làm việc các cơ quan cấp tỉnh DTXD 2.764m²; DTS 15.166m². Cải tạo khối nhà làm việc các cơ quan cấp tỉnh hiện có DTXD 1.592m²; DTS 10.095m². Các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2022-2024	372/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 283/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	240,000	240,000			2,290	2,290			BQL các DA ĐTXD	
2	Trụ sở làm việc các Ban quản lý rừng phòng hộ	Krông Pa, Chư Păh, Đak Đoa	- Trụ sở BQL RPH Ia Rsai: Nhà làm việc 01 tầng, DTXD 320m2; nhà công vụ 01 tầng DTXD 130m2, các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Ia Ly: Nhà làm việc 02 tầng, DTXD 195m2 DTS 380m2 và các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Đak Đoa:Nhà làm việc 2 tầng, DTXD 190m2, DTS 350m2; Nhà ở công vụ 1 tầng DTXD 130m2 , các hạng mục phụ	2022-2023	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	12,000	12,000			600	600			BQL các dự án ĐTXD	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước
3	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	Đak Đoa	+ Nhà làm việc: Công trình cấp III, 1 tầng; DTS 296m². + Nhà công vụ: Công trình cấp III, 1 tầng; DTXD: 150 m². + Các hạng mục phụ, hạ tầng kỹ thuật	2022	383/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	4,000	4,000			180	180			BQL các dự án ĐTXD	
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT									4,210	4,210	-	-		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									1,690	1,690	-	-		
1	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, thành phố Pleiku	Pleiku	Nhà học 12 phòng + 2 phòng chức năng: 03 tầng DTXD 540m2, DTS 1.614m2; thiết bị và các hạng mục phụ	2022	363/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 273/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	11,000	11,000			510	510			BQL các dự án ĐTXD	
2	Trường THPT Nguyễn Khuyến, thị xã An Khê (xây dựng mới)	An Khê	Nhà học hiệu bộ 2 tầng DTXD 300m2, DTS 612m2; Nhà học lý thuyết, nhà học bộ môn, thư viện 03 tầng DTXD 820m2; DTS 2.591m2; trang thiết bị và các hạng mục phụ.	2022-2023	371/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 280/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	28,000	28,000			480	480			BQL các dự án ĐTXD	
3	Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhà học lý thuyết 03 tầng DTXD 405m2, DTS 1260m2; cầu nối giữa các phòng chức năng; Trang thiết bị dạy và học, các hạng mục phụ	2022-2023	369/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 281/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	10,500	10,500			500	500			BQL các dự án ĐTXD	
4	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Pleiku	Trang bị 08 phòng học đa phương tiện; 08 phòng học trực tuyến, hội nghị truyền hình; trang bị hệ thống phần mềm E-learning, đào tạo trực tuyến, kho học liệu bài học, bài giảng	2022-2023	358/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 159/QĐ-SKHĐT ngày 30/6/2021	29,000	29,000			200	200			Sở Giáo dục và Đào tạo	
II	Y tế, dân số và gia đình									2,520	2,520	-	-		
1	Trung tâm y tế huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Khoa khám bệnh 02 tầng DTXD 500m2; DTS 1000m2 Khoa dược 02 tầng DTXD 200m2; DTS 400m2 Các hạng mục phụ, trang thiết bị y tế, hệ thống xử lý chất thải y tế	2022-2023	380/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 277/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	20,000	20,000			560	560			BQL các dự án ĐTXD	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
											Tổng số	Trong đó:			
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDC B		
2	Trung tâm y tế huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	Khoa ngoại sản 02 tầng DTXD 410m2; DTS 830m2 Khoa nội nhi nhiêm 02 tầng DTXD 480m2; DTS 960m2 Trang thiết bị y tế; Các hạng mục phụ	2022-2023	381/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 278/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	20,000	20,000			560	560			BQL các dự án ĐTXD	
3	Trung tâm y tế thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Khu điều trị hồi sức trung tâm DTXD: 250m², DT sàn: 520 m²; Khu điều trị nội nhi DTXD: 480 m², DT sàn: 960 m²; Khu phòng mổ DTXD: 270 m², DT sàn: 550 m²; Cải tạo mở rộng khoa được DTXD: 340 m²; Hệ thống PCCC, tháo dỡ hiện trạng và các hạng mục phụ.	2022-2023	409/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 279/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021	20,000	20,000			560	560			BQL các dự án ĐTXD	
4	Trang thiết bị bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Pleiku	01 máy Gia tốc tuyến tính đa năng lượng (máy xạ trị)	2023-2024	420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 158/QĐ-SKHĐT ngày 30/6/2021	60,000	60,000			570	570			Sở Y tế	Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
5	Đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Pleiku	Đầu tư xây dựng mới 02 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế, công nghệ xử lý không đốt (vi sóng). Công suất mỗi hệ thống 45-50kg/giờ	2022-2023	419/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 156/QĐ-SKHĐT ngày 30/6/2021	24,000	24,000			270	270			BQL các dự án ĐTXD	

Biểu 3**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021 TW giao	Kế hoạch năm 2021 địa phương giao	Kế hoạch vốn đã giao đợt 1	Kế hoạch vốn đã giao đợt 2	Kế hoạch vốn đợt 3	Ghi chú
I	Vốn ngân sách trung ương	1,084,527	1,084,527	300,286	521,241	263,000	
1	Vốn trong nước	864,591	864,591	252,375	349,216	263,000	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	864,591	864,591	252,375	349,216	263,000	
	Trong đó:						
-	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	3,000	3,000			3,000	
-	Thu hồi các khoản ứng trước	35,826	35,826	35,826		-	
2	Vốn nước ngoài	219,936	219,936	47,911	172,025		

Biểu 4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số								Trong đó:	
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	17	18	19	20	21	22			
	TỔNG SỐ									263,000	263,000	-	-					
A	Vốn chuẩn bị đầu tư									19,920	19,920	-	-		Chi tiết phụ lục 2 kèm theo			
B	Vốn thực hiện dự án									243,080	243,080	-	-					
I	Các hoạt động kinh tế									243,080	243,080	-	-					
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									14,940	14,940	-						
(1)	Dự án khởi công mới năm 2021									14,940	14,940	-	-					
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	Trồng rừng sản xuất theo QĐ 38/2016/QĐ-TTg 11.000ha; trồng rừng phòng hộ 850ha; chăm sóc rừng trồng sản xuất năm 2018, 2019, năm 2020: 5.736ha; chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2024; làm đường lâm sinh 100km; hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững 10.736ha	2021- 2024	314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424,000	127,000			14,940	14,940			Sở NNPTNT	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định			
I.2	Giao thông									228,140	228,140	-	-					
(1)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021									31,940	31,940	-	-					
1	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khê) đến xã Kon Bla và Đăk Hlơ (KBang)	An Khê, Kbang	L=14,26km; BTXM toàn tuyến, hệ thống thoát nước	2016- 2020	986/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,000	80,000	72,000	71,650	8,000	8,000			BQL các DA ĐTXD	Kế hoạch năm 2021 đợt 1 đã giao 350 triệu đồng; UBND tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
2	Đường nối Quốc lộ 25 đến đường Tỉnh 666 (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện đến Tỉnh lộ 666), tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	L=16,579km đường cấp IV miền núi; hệ thống thoát nước (cầu, cống)	2016-2020	991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,000	80,000	68,285	67,935	1,455	1,455			UBND huyện Phú Thiện	Kế hoạch năm 2021 đợt 1 đã giao 4,065 tỷ đồng; UBND tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện
3	Đường liên xã Ia Krêl-Ia Kla huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Đường cấp IV, L=10,04km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	850/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	80,000	80,000	34,796	34,796	7,204	7,204			UBND huyện Đức Cơ	Kế hoạch năm 2021 đợt 1 đã giao 38 tỷ đồng
4	Tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	L=21,5Km đường cấp V miền núi	2020-2022	688/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	140,000	140,000	14,000	14,000	15,281	15,281			BQL các DA ĐTXD	Kế hoạch năm 2021 đợt 1, đợt 2 đã giao 63 tỷ đồng; UBND tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của dự án
(2)	Dự án khởi công mới năm 2021									196,200	196,200	-	-		
1	Cầu qua sông Ayun vào xã Ia Yeng (từ quốc lộ 25 đi xã Ia Yeng)	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,17Km trong đó cầu qua sông Ayun dài 177,3m, bề rộng cầu 8m	2019-2021	1032/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	90,000	81,000			35,000	35,000			BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 theo đúng quy định; UBND tỉnh điều chỉnh nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện
2	Đường Hoàng Sa nối dài (đoạn nối từ đường Trường Chinh đến đường Nguyễn Chí Thanh), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Chiều dài tuyến L=6,618Km	2019-2021	1031/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	146,000	131,400			1,200	1,200			UBND thành phố Pleiku	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 theo đúng quy định; Hiện nay UBND thành phố Pleiku báo cáo chưa giải phóng mặt bằng nên chỉ đề xuất bố trí vốn lập thiết kế bản vẽ thi công; UBND tỉnh điều chỉnh nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Trong đó:			
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB														
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Tổng chiều dài tuyến khoảng 6,17km; đoạn Km0 - Km240 thảm bê tông nhựa mặt đường 7m, hệ thống thoát nước; đoạn Km0=240 - Km6+170: CGXD 30m, mặt đường bê tông nhựa 21m, dải phân cách 3m, vỉa hè 2x3=6m, hệ thống thoát nước, các hạng mục phụ	2021-2023	330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 480/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	185,000	185,000			60,000	60,000			BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
4	Nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 663, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	Đoạn Km0+00 - Km13+700: Bn=9m; Bm=6m; mặt đường bê tông nhựa; Đoạn Km33+200-Km47+050: Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường bê tông xi măng	2021-2023	315/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 478/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	150,000	150,000			50,000	50,000			BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
5	Nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 664 (đoạn Km0 - Km15+350m), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Ia Grai	a.Thảm bê tông nhựa tăng cường và bổ sung các hạng mục phụ đoạn tuyến Km0-Km2+200m. b. Nâng cấp, cải tạo đoạn Km2+200-Km15+350m đạt cấp III theo TCVN 4054-2005: Bn=12m; Bm=11m; mặt đường bê tông nhựa; cầu, cống thoát nước bê tông cốt thép vĩnh cửu	2021-2023	316/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 479/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	150,000	150,000			50,000	50,000			BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định

Phụ lục 2

VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2021 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Trong đó:			
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDC B								
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ									19,920	19,920	-	-		
I	Quốc phòng									1,840	1,840	-	-		
1	Khắc phục, sửa chữa Đường từ Quốc lộ 14C vào Đồn Biên phòng 731, Trạm kiểm soát 383 - đồn Biên phòng 727; đường từ đường tuần tra biên giới tới các cột mốc trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông	Tổng chiều dài toàn tuyến 24,8km đường cấp V miền núi theo TCVN 4054-2005 gồm 3 tuyến: Tuyến 1: từ km176+650 Quốc lộ 14C đến Trạm kiểm soát 383/Đồn Biên phòng 727 L= 6km. Tuyến 2: Từ Km191+750 quốc lộ 14C đến Đồn Biên phòng 731 L=7,3km. Tuyến 3: gồm các đoạn đường nhánh từ đường tuần tra biên giới tới các cột mốc L= 11,5km	2022-2024	385/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 2096/QĐ-BCH ngày 28/6/2021	140,000	140,000			1,840	1,840			BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	
II	Các hoạt động kinh tế									18,080	18,080	-	-		
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									5,650	5,650	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Trong đó:			
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDC B														
1	Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh và Nâng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh: Tuyên truyền bảo vệ rừng; Chương trình phát triển rừng; Chương trình phát triển du lịch sinh thái; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đệm; Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng; Mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng. Nâng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; Mua sắm dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị; Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng.	2022-2025	428/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 361/QĐ-SNNPTNT ngày 29/6/2021	120,000	110,000			1,750	1,750			Sở NNPTNT	Ngân sách trung ương 110 tỷ đồng, nguồn dịch vụ môi trường rừng 10 tỷ đồng
2	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh	Chư Păh	Hồ chứa dung tích 1,74 triệu m3 cấp nước tưới chủ động cho 220ha	2021-2024	312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021; 108/QĐ-KTTL ngày 28/4/2021	100,000	100,000			3,900	3,900			Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	Chủ đầu tư hoàn trả vốn ứng theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 theo đúng quy định
II.2	Giao thông									10,520	10,520	-	-		
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh	L= 16km, Bn= 30m; Bm= 21m (bao gồm đân rãnh), dải phân cách rộng 3m; vỉa hè rộng 3mx2=6m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng, cây xanh và các hạng mục phụ	2022-2025	350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021;291/QĐ-BQLDA ngày 28/6/2021	1,200,000	900,000			3,000	3,000			BQL các DA ĐTXD	Dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDC B
2	Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	Xây dựng 09 tuyến đường nội thị với tổng chiều dài 7.637m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2023-2025	425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 240/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	90,000	90,000			1,580	1,580			UBND huyện Phú Thiện	Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
3	Đường liên xã huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Chư Păh	Đường khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya L=6,41km; cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Đường từ xã Đăk Tơ Ver đi xã Hà Tây L= 9,9km; cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Đường từ xã Ia Khươl đi xã Ia Phí L= 5,83km; cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Đường từ xã Ia Ka đi xã Ia Phí L=4,4km; cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Đường từ thị trấn Phú Hòa đi xã Nghĩa Hòa: Nhánh 1 (Km0 - Km3+800) L=3,8km; nhánh 2 (Km0 - Km1+700) L= 1,7km; Bn=11,7m; Bm=10,5m. Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.	2023-2025	390/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 382/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	100,000	100,000			2,490	2,490			UBND huyện Chư Păh	Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
4	Đường giao thông kết nối các xã Ia Mlah, Phú Cần và thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Xây dựng tuyến đường dài 8,5km đạt cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005 gồm cầu, công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông.	2023-2025	353/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 259/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	90,000	90,000			1,210	1,210			UBND huyện Krông Pa	Tùy theo khả năng cân đối vốn hàng năm, cho phép bố trí vốn từ năm 2022
5	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	L=2,73Km, nền đường rộng 35m , mặt đường rộng 21m, dải phân cách rộng 3m, vỉa hè rộng 11m	2022-2024	411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	260,000	260,000			2,240	2,240			UBND thành phố Pleiku	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Kế hoạch năm 2021 đợt 3				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDC B
III.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế									1,430	1,430	-	-		
1	Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Đầu tư xây dựng 18 tuyến đường tổng chiều dài 7,181km	2022-2025	388/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 75/QĐ-BQLKKT ngày 30/6/2021	100,000	100,000			1,430	1,430			BQL khu kinh tế tỉnh	
II.4	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa									480	480	-	-		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai	Pleiku	Khu nhà sản xuất, hỗ trợ khởi nghiệp 1 tầng DTXD 473m ² ; khu hội nghị và làm việc 2 tầng DTXD 971m ² DTS 1.151m ² ; khu nhà trưng bày và hạ tầng thông tin khoa học công nghệ 2 tầng DTXD 367m ² ; DTS 706m ² ; Máy móc, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng nghiên cứu trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến; các hạng mục phụ	2022-2023	402/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 110/QĐ-SKHCN ngày 30/6/2021	45,000	45,000			480	480			Sở KH và CN	